

Bản án số: 26/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16-4-2024

V/v: *Không công nhận quan hệ
vợ chồng và tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khiếu

Ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa:
Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 20-02-2024 về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-3-2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 05/2024/TBXX ngày 05-4-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn g, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Nông Ngọc V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Giáp Cang, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị Đ trình bày:

Chị và anh Nông Ngọc V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Chị và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V không chăm lo cho gia đình, anh V hay uống rượu và có hành vi đánh, chửi chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh V đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị xác định

tình cảm với anh V đã hết, vợ chồng hiện đã ly thân. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh V.

Về con chung: Chị và anh V có ba con chung là Nông Thị Bảo N, sinh ngày 26-3-2001; Nông Thị T, sinh ngày 25-6-2002 và Nông Đức C, sinh ngày 08-4-2011. Cháu N và cháu T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu C hiện đang sống cùng anh V, ly hôn chị đề nghị anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nông Ngọc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến thể hiện trong hồ sơ vụ án.

- Qua xác minh tại nơi cư trú của các đương sự xác định: Chị Đ và anh V có kết hôn theo phong tục, tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Chị Đ và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xảy ra cãi nhau. Hiện Chị Đ và anh V đã ly thân. Chị và anh V có ba con chung là Nông Thị Bảo N, sinh ngày 26-3-2001; Nông Thị T, sinh ngày 25-6-2002 và Nông Đức C, sinh ngày 08-4-2011. Hiện cháu N và cháu T đã trưởng thành, còn cháu C đang sống với anh V tại thôn Giáp Cang, xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ các Điều 9,14,53,81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị Đ và anh Nông Ngọc V.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Đức C, sinh ngày 08-4-2011 cho anh Nông Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị Lý Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con

+ Về án phí: Chị Lý Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh Nông Ngọc V có nơi cư trú tại xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Chị Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Đ và anh Nông Ngọc V sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung Chị Đ và anh V thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Chị Đ xác định tình cảm với anh V đã hết và yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh V.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xét thấy: Chị Đ và anh V tổ chức kết hôn theo phong tục, tập quán của địa phương và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của Chị Đ và anh V không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Đ và anh V.

[3] Về con chung: Chị Lý Thị Đ và anh Nông Ngọc V có ba con chung là Nông Thị Bảo N, sinh ngày 26-3-2001; Nông Thị T, sinh ngày 25-6-2002 và Nông Đức C, sinh ngày 08-4-2011. Hai con chung Nông Thị Bảo N và Nông Thị T đã trưởng thành, Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu C hiện đang sống cùng với bố. Ly hôn Chị Đ đề nghị anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu C.

Xét thấy, Chị Đ và anh V hiện đã ly thân. Cháu C có nguyện vọng được ở với bố và đang được anh V chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của con nên giao cháu Nông Đức C cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị Đ và anh Nông Ngọc V.

2. Về con chung: Giao con chung là Nông Đức C, sinh ngày 08-4-2011 cho anh Nông Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị Lý Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con

Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí Chị Đ đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0001630 ngày 20-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao